

Số: 03 /2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 16 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà
tại bến phà tạm Rạch Miếu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 44/TTr-SGTVT ngày 04 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định khung giá dịch vụ sử dụng phà tạm Rạch Miễu do Sở Giao thông vận tải quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đầu tư, quản lý, khai thác, kinh doanh và sử dụng dịch vụ phà tạm Rạch Miễu.

Điều 2. Đối tượng được miễn, giảm giá dịch vụ sử dụng phà

1. Miễn thu phí đối với các đối tượng sau: Người cao tuổi, thương binh, bệnh binh, học sinh, sinh viên.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang mức thu tối đa không quá 50% mức thu so với các đối tượng khác.

Điều 3. Khung giá dịch vụ sử dụng phà

1. Khung giá dịch vụ sử dụng phà tạm Rạch Miễu được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Khung giá dịch vụ sử dụng phà quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, bảo hiểm phương tiện và bảo hiểm hành khách khi sử dụng phà.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này; đồng thời, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc chấp hành và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ sử dụng phà có trách nhiệm lập và giao hóa đơn hoặc vé qua phà cho đối tượng trả tiền dịch vụ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; thực hiện niêm yết công khai giá dịch vụ sử dụng phà tại địa điểm, vị trí thuận tiện, dễ nhận thấy và thu đúng mức giá dịch vụ đã được niêm yết.

3. Cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh dịch vụ sử dụng phà có trách nhiệm hướng dẫn kê khai thuế và sử dụng hóa đơn hoặc vé qua phà để kinh doanh dịch vụ sử dụng phà theo đúng quy định của pháp luật về thuế.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính,

Giao thông vận tải; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện Châu Thành;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: TH, TCDT, KT;
- Lưu: VT, XH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Tam



Phụ lục
KHUNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG PHÀ TẠM RẠCH MIỄU
DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 03 /2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	Đối tượng	Đơn vị tính	Khung giá
1	Hành khách đi xe gắn máy, xe mô tô hai bánh	đồng/lượt	8.000 - 9.000
2	Xe lam, xe mô tô ba bánh	đồng/lượt	15.000 - 16.000
3	Xe ô tô dưới 7 chỗ, xe tải dưới 1 tấn	đồng/lượt	20.000 - 22.000
4	Xe ô tô từ 7 chỗ đến dưới 12 chỗ, xe tải từ 1 tấn đến dưới 2 tấn	đồng/lượt	30.000 - 33.000
5	Xe ô tô từ 12 chỗ đến dưới 31 chỗ, xe tải từ 2 tấn đến dưới 4 tấn	đồng/lượt	45.000 - 50.000
6	Xe tải từ 4 tấn đến dưới 7 tấn	đồng/lượt	50.000 - 55.000
7	Xe ô tô từ 31 chỗ trở lên, xe tải từ 7 tấn đến dưới 10 tấn	đồng/lượt	60.000 - 66.000
8	Xe tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn	đồng/lượt	90.000 - 100.000
9	Xe tải từ 18 tấn trở lên	đồng/lượt	140.000 - 155.000
10	Thuê bao phà	đồng/lượt	400.000 - 440.000
11	Vé tháng hành khách đi xe gắn máy, xe mô tô hai bánh	đồng/tháng	70.000 - 80.000